

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương từ ngày 25/3/2021, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị cáo bị kháng nghị:**

1. Sầm Văn Đ, sinh ngày 16/4/1997. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT: Thôn KS, xã TC, huyện HQ, Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12. Bố đẻ: Sầm Văn Q, sinh năm 1972. Mẹ đẻ: Sầm Thị C, sinh năm 1970. Gia đình có 04 anh chị em, Đ là con thứ 2. Vợ: Đặng Thị T, sinh năm 1998; Con: Có 01 con, sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương từ ngày 26/3/2021, có mặt tại phiên tòa.

2. Sầm Văn C, sinh năm: 14/8/2001; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT: KS, xã TC, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12. Bố đẻ: Sầm Văn Q, sinh năm 1972. Mẹ đẻ: Sầm Thị C, sinh năm 1970. Gia đình có 04 anh chị em, C là con thứ 4. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 35 ngày 20/5/2019 của Công an huyện HQ, tỉnh Cao Bằng xử phạt Sầm Văn C 1.000.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác (Biên lai thu tiền số 0352448, C đã nộp phạt 1.000.000 đồng vào ngày 22/5/2019).

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương từ ngày 07/4/2021, có mặt tại phiên tòa.

3. Trương Văn T, sinh năm: 01/3/2000; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Nơi ĐKHKTT: KS, xã TC, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12. Bố đẻ: Trương Văn H, sinh năm 1969. Mẹ đẻ: Sầm Thị P, sinh năm 1977. Gia đình có 02 anh em, T là con thứ 2. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 32 ngày 20/5/2019 của Công an huyện HQ, tỉnh Cao Bằng xử phạt Trương Văn T 1.000.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác (Biên lai thu tiền số 0352979, T đã nộp phạt 1.000.000 đồng vào ngày 22/5/2019).

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hải Dương từ ngày 07/4/2021, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 24/2/2021, Hoàng Thị Th1 và Phạm Thị H quen biết nhau do cùng tham gia “Hội phiên dịch tiếng Trung” trên ứng dụng Wechat. Ngày 20/2/2021 Th1 liên lạc, trao đổi qua Wechat với Hà để giới thiệu về việc đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép nhằm có thêm thu nhập và thống nhất tới ngày 24/2/2021 đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Th1 cho Hà Wechat của “Trang Chủng” (còn gọi là Hồng, là đối tác của Công ty xuất nhập khẩu Việt

Trung nơi Th1 làm việc) để liên hệ đón người, thỏa thuận trả công 36 triệu đồng/01chuyến/03 người. “Trang Chung” quen biết Sầm Văn Đ do trước đây Đ từng đi làm thuê bên Trung Quốc, nên đã thuê Đ đón người từ Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam tại cột mốc 718 thuộc thôn KS, xã TC, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng (gọi tắt là cột mốc 718) đưa tới đèo Bông Lau, thuộc huyện Trảng B, tỉnh Lạng Sơn (gọi tắt là đèo Bông Lau) với giá 2.500NDT/01 người và cho số điện thoại của H để liên lạc giao nhận người. Đ rủ Sầm Văn C, Trương Văn T cùng thực hiện. Tối ngày 24/2/2021, Đ đi bộ lên cột mốc 718 đón 03 người đàn ông từ Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trái phép, thu 2.500NDT/01 người rồi dẫn họ đi bộ xuống núi chỗ C, T đã chờ sẵn. Đ điều khiển xe mô tô YAMAHA EXCITER, BKS 11B1-256.36 (biển số giả), biển số thật là 98K1-183.93 do Đ mua tại một cửa hàng xe máy ở Bắc Ninh, C điều khiển xe mô tô Wave Honda, BKS 11B1-445.24 do C mượn của anh Sầm Văn Đ, sinh năm 1995, trú tại KS, TC, HQ, Cao Bằng; T điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX, BKS 28B1-114.70 mượn của ông Trương Văn H, sinh năm 1969, trú tại: KS, TC, HQ, Cao Bằng, mỗi người chở 01 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép đưa đến khu vực đèo Bông Lau. Tại đây Đ ở lại cùng 03 người nhập cảnh trái phép và liên lạc với H để thông báo địa điểm cụ thể, C và T đứng cách khoảng 100m quan sát. Sau khi thỏa thuận với Th1 và Trang Chung, H đã rủ Nguyễn Xuân Th thực hiện. Th đồng ý đi cùng lên Lạng Sơn bằng xe ô tô BKS 34A-448.21 của H, khi đến đầu tỉnh Lạng Sơn thì không được vào do thời điểm này đang hạn chế các phương tiện từ Hải Dương đến bởi dịch bệnh Covid-19, nên H bắt taxi (không rõ hãng xe, biển số) đi đến đèo Bông Lau còn Th ở lại xe ô tô đợi. Khoảng 23h ngày 24/2/2021, H đến đèo Bông Lau được Đ bàn giao 03 người nhập cảnh trái phép, rồi đưa họ quay lại xe ô tô nơi Th đợi. Sau đó Hà, Th đã đưa 03 người này đến khu vực Vincom Thảo Điền, thành phố Hồ Chí Minh rồi cho họ xuống xe, H không rõ họ được ai đón hoặc sẽ đi đâu. Sau khi đưa họ vào đến nơi, Th1 chuyển cho H 36.000.000 đồng từ tài khoản số 19035879304015 đến tài khoản số 46810001444752 của H.

H đã liên hệ, thỏa thuận trực tiếp với “Trang Chung” qua Wechat về việc đón người từ Trung Quốc nhập cảnh trái phép với giá 10.000NDT/01 chuyến/03 người (tương đương 35 triệu đồng) với cách thức như nêu trên. Đ đón người nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam từ cột mốc 718, thu của mỗi người 2.500NDT, rồi cùng C, T đưa đến đèo Bông Lau để giao cho H. Quá trình đó, các đối tượng đều liên hệ với nhau, thống nhất số lượng người nhập cảnh trái phép, thời gian, địa điểm để đón như sau:

Ngày 06/3/2021, Hà và Th đi xe ô tô BKS 34A-448.21 của H đến thành phố Lạng Sơn rồi H bắt taxi đến đèo Bông Lau được Đ bàn giao cho 03 người đàn ông từ Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trái phép (không rõ họ tên). Th không đi TP.Hồ Chí Minh nên trao đổi, thống nhất với H gọi điện cho Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1993 ở LX, ĐS, TK, Hải Dương thỏa thuận với Phúc chở 03 người Trung Quốc làm chuyên gia, là bạn của H, có giấy tờ đầy đủ vào Vincom Thảo Điền, thành phố Hồ Chí Minh với giá 20.000.000 đồng (bao gồm tiền công, xăng, phí cầu đường và tiền ăn nghỉ của khách Trung Quốc và hẹn giao

người tại cầu Thanh Trì, Hà Nội. Ph đồng ý và sử dụng xe ô tô BKS 34A-386.34 của mình để đi đón người, trước khi giao người Trung Quốc cho Ph, H đã trực tiếp thu 10.000NDT của 03 người nhập cảnh trái phép và dẫn Phúc chở đến Vincom Thảo Điền, TP. Hồ Chí Minh thì cho họ xuống xe. Khi Ph quay ra, H trả công Ph 20.000.000 đồng.

Ngày 08/3/2021, H và Th đi xe ô tô BKS 34A-539.66 của Th đến đèo Bông Lau được Đ bàn giao cho 03 người đàn ông từ Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trái phép (không rõ họ tên). Th không đi TP. Hồ Chí Minh nên đã trao đổi, thống nhất với Hà gọi điện cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1994 ở N, ĐS, TK, bảo T chở 03 người Trung Quốc là bạn của H làm chuyên gia, có giấy tờ đầy đủ vào TP Hồ Chí Minh với giá 20.000.000đồng (bao gồm tiền công, xăng, phí cầu đường và tiền ăn nghỉ của khách Trung Quốc) và hẹn giao người tại Cống Dộng, TK, Hải Dương. T đồng ý và sử dụng xe ô tô Vios BKS 34A-368.34 của T đi đón người, trước khi giao người cho T, H đã trực tiếp thu 10.000NDT của 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và dẫn T chở khách đến Vincom Thảo Điền, TP. Hồ Chí Minh thì cho họ xuống xe. Khi Nguyễn Văn T quay ra, H trả công T 20.000.000 đồng.

Ngày 11/3/2021, H và Th đi xe ô tô BKS 34A-539.66 của Th đến đèo Bông Lau, được Đ, C, T bàn giao cho 03 người đàn ông từ Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trái phép (không rõ họ tên), H trực tiếp thu 10.000NDT của 03 người nhập cảnh trái phép, rồi H và Th cùng đưa 03 người Trung Quốc đến Vincom Thảo Điền, TP Hồ Chí Minh.

Ngày 14/3/2021, H tiếp tục liên hệ với “Trang Chủng” và Đ để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Đ, C, T đã đón 03 người đàn ông từ Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại cột mốc 718 và đưa đến đèo Bông Lau, Đ thu 2.500NDT/người. Hôm đó, do bận, H gọi điện cho Vũ Thành L, sinh năm 1987 ở CL, ĐL, NS (thường gọi là HA, số điện thoại 0968.406.028) nhờ L đi Lạng Sơn đón 03 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam về thành phố Hải Dương. H thuê xe taxi (H lấy số trên hội lái xe Hải Dương, nhưng không nhớ là ai) đến đón L và nhắn cho Đ số điện thoại của L để liên hệ đón người, Đ báo cho Hà biết C sẽ ra giao người. Sau khi L đưa 03 người từ Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trái phép về đến BigC - Hải Dương, H bảo Th ra đón, đưa vào TP Hồ Chí Minh. Th trực tiếp thu 10.000NDT của 03 người nhập cảnh trái phép rồi đưa cho H, H đưa lại cho Th 30.000.000 đồng, H không hứa hẹn cho L tiền.

Ngày 16/3/2021, Đ, C, T đã đón 03 người đàn ông từ Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại cột mốc 718 và đưa đến đèo Bông Lau, Đ thu 2.500NDT/01 người, Đ để C ra giao người, còn Đ và T đứng cách 100m để quan sát. H đi xe ô tô BKS 34A-448.21 đến đèo Bông Lau đón, nhận 03 người nhập cảnh trái phép từ C, rồi đưa họ về nhà nghỉ 372 thị trấn TK nghỉ qua đêm, sáng ngày hôm sau Hà rủ Quách Đại Đ, sinh năm 1991, trú tại TX, TH đi cùng và nói với Đức 03 người Trung Quốc này là bạn của Hà, làm chuyên gia cho công ty ở Bắc Ninh, về nhà H chơi có việc gấp phải đi TP Hồ Chí Minh. Đ đi xe ô tô Vios BKS 30E-848.38 (xe của Đ) sang nhà H rồi cùng H và 03 người kẻ trên lên xe

của Đ đi vào TP Hồ Chí Minh. Khi đến Quảng Ngãi, H thu 10.000NDT của 03 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, rồi bảo với Đ có việc phải quay ra Hải Dương và xuống xe, sau đó lên xe của Th ở chiều quay ra để về Hải Dương, còn Đ tiếp tục chở 03 người Trung Quốc đến Vincom Thảo Điền, TP Hồ Chí Minh. Khi Đ quay ra, H trả công Đ 18.000.000 đồng.

Ngày 20/3/2021 Đ, C, T đã đón 03 người đàn ông từ Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại cột mốc 718 và đưa đến đèo Bông Lau, huyện Trang Đ, tỉnh Lạng Sơn, Đ thu 2.500NDT/01 người, Đ để C ra giao người, còn Đ và T đứng cách 100m quan sát. H liên hệ với Đ rồi thuê xe taxi (H cũng lấy số trên Hội lái xe Hải Dương, không nhớ là ai) đón Vũ Thành L đi Lạng Sơn, trên đường đi L đã nói với lái xe taxi là đi đón người nhập cảnh trái phép nên người lái xe taxi đã không chở nữa và bỏ về, L phải thuê nhà nghỉ qua đêm (L không nhớ tên, địa chỉ nhà nghỉ) và báo cho H biết, H nhắn tin Wechat với C hẹn đến hôm sau đón người và chuyển 2.000.000 đồng cho C để thuê nhà nghỉ cho 03 người Trung Quốc ngủ lại. Đến trưa ngày 21/3/2021, H thuê một taxi khác (Hà không nhớ là ai) từ Hải Dương lên đưa L tới đèo Bông Lau để gặp C và đón 03 người đàn ông Trung Quốc đưa về ngã ba Tiên Trung, TP Hải Dương. Hà gọi cho Đ nói 03 người Trung Quốc là chuyên gia, đã làm ở Việt Nam nhiều năm và H cùng Đ đi đón đưa 03 người đàn ông Trung Quốc vào TP Hồ Chí Minh hứa hẹn sẽ trả công 18 triệu đồng. Khi Đ chở 03 người Trung Quốc tới Nghệ An, lúc này H có việc tại Nghệ An nên bảo Đ dừng lại, H thu 10.000NDT của 03 người nhập cảnh trái phép, rồi để Đ tiếp tục đưa 03 người Trung Quốc đến Vincom Thảo Điền, TP Hồ Chí Minh. H chưa kịp trả tiền cho Đ thì đã bị bắt.

Ngày 23/3/2021 H liên hệ với “Trang Chủng”, Đ để đón 06 người nhập cảnh trái phép. H thông báo cho Th và thống nhất mỗi người đi một xe ô tô để đón những người Trung Quốc này. Trên đường đi, H liên hệ với Đ thì được Đ thông báo bận, không trực tiếp đến giao người được, bảo H liên hệ Sầm Văn C (em trai Đ) qua Wechat để giao nhận người Trung Quốc. Khoảng 23 giờ, H và Th đi 02 xe ô tô của H và Th đến điểm hẹn tại đèo Bông Lau (huyện Tràng Đ, tỉnh Lạng Sơn) nhận 06 người Trung Quốc (02 nữ, 04 nam là Xue Li Qun (sinh ngày 03/04/1990), Wang Jing Ze (sinh ngày 05/12/1991), Xu Wen Xiang (sinh ngày 22/12/1989), Xu Zhi Xin (sinh ngày 18/01/1990), Wu Shi Ling (sinh ngày 21/12/1994), Huang Chun Ling (sinh ngày 02/04/1987). Th điều khiển ô tô BKS 34A-359.66 chở 03 nam giới, H điều khiển xe ô tô BKS 34A-448.21 chở 02 phụ nữ và 01 nam giới về Hải Dương, đến nhà nghỉ 372, thị trấn TK, huyện TK, tỉnh Hải Dương dự kiến trưa ngày 24/3/2021 tiếp tục đưa những người này vào Vincom Thảo Điền, thành phố Hồ Chí Minh và thì bị lực lượng Công an phát hiện. Theo thỏa thuận thì khi chở vào đến Vincom Thảo Điền, thành phố Hồ Chí Minh, H sẽ thu 20.000NDT/6 người, nhưng H chưa kịp thu tiền của 06 người Trung Quốc này.

Cơ quan An ninh điều tra thu thập dữ liệu điện thoại của Phạm Thị H xác Đ có các đoạn tin nhắn trên wechat giữa Hà với Hoàng Thị Th1, “Trang Chủng” và “A Đ” phù hợp với lời khai của Hà. Thu thập dữ liệu điện thoại của Sầm Văn Đ, Hoàng Thị Th1 trên ứng dụng Wechat còn lưu tài khoản của Phạm Thị H tuy

nhiên đã xóa nội dung trao đổi với Hà. Hoàng Thị Th1 thừa nhận giọng nói trọng đoạn hội thoại mang tên MissTh1 (tức Th1huy) với nick Wechat của Phạm Thị H là giọng nói của Th1.

Kết luận giám Đ số 5219/C09-P6 ngày 9/9/2021 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các mẫu cần giám Đ: A1, A2, A3, A4, A5, A6. Tiếng nói của người phụ nữ trong các mẫu cần giám Đ A1, A2, A3, A4, A5, A6 và tiếng nói của Hoàng Thị Th1 trong mẫu so sánh là của cùng 1 người.

Sao kê tài khoản của các bị can Phạm Thị H, Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Nguyễn Xuân Th, Hoàng Thị Th1 và những người có liên quan. Kết quả: Nội dung sao kê các tài khoản phù hợp với lời khai của các bị can và các tài liệu khác thu thập được trong vụ án. Cơ quan an ninh điều tra đã ra Lệnh phong tỏa đối với tài khoản này của Hà, Th, Đ.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh (A08) – Bộ Công an cung cấp xác Đ về việc trao đổi thông tin nhập xuất cảnh của người nước ngoài. Qua kiểm tra, hiện chưa có thông tin liên quan đến nhập cảnh Việt Nam của 06 người TQ là Xue Li Qun (sinh ngày 03/04/1990), Wang Jing Ze (sinh ngày 05/12/1991), Xu Wen Xiang (sinh ngày 22/12/1989), Xu Zhi Xin (sinh ngày 18/01/1990), Wu Shi Ling (sinh ngày 21/12/1994), Huang Chun Ling (sinh ngày 02/04/1987).

Cơ quan An ninh điều tra đã tổ chức cho Phạm Thị H, Nguyễn Xuân Th nhận dạng Sầm Văn Đ, Sầm Văn C; tổ chức cho Sầm Văn Đ, Sầm Văn C nhận dạng Phạm Thị H; Sầm Văn C nhận dạng Vũ Thành L, Vũ Thành L nhận dạng Sầm Văn C. Kết quả: Hà, Th đều nhận ra Đ, C và ngược lại; L nhận ra C và ngược lại.

Cơ quan An ninh điều tra đã có Công văn gửi Cơ quan An ninh điều tra các tỉnh, thành phố trong cả nước đề nghị phối hợp rà soát các vụ án, vụ việc đã từng thụ lý để phát hiện các đối tượng người Trung Quốc khai do các bị can trong vụ án này tổ chức đưa, đón theo thời gian nêu trên. Kết quả chưa xác Đ không phát hiện được có đối tượng Trung Quốc nào liên quan đến vụ án này. Kết quả thu giữ thư tín, điện tín đối với các thuê bao điện thoại do các bị can và những người liên quan trong vụ án sử dụng tại các nhà mạng Viettel và Mobifone phù hợp với lời khai của bị can, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và nhân chứng.

Quá trình điều tra bị can Phạm Thị H, Nguyễn Xuân Th, Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Trương Văn T, Hoàng Thị Th1 và Vũ Thành L đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhân chứng, các biên bản làm việc, các kết quả xác minh, cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh, các biên bản nhận dạng, giải trình điện thoại, sao kê tài khoản ngân hàng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 29/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã tuyên bố các bị cáo Phạm Thị H, Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Trương Văn T, Nguyễn Xuân Th, Vũ Thành L và Hoàng Thị Th1 phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Khoản 2 Điều 35, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị H. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 08 (Tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 25/3/2021.

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 348, Điều 38, điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Sầm Văn Đ. Xử phạt bị cáo Sầm Văn Đ 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 26/3/2021.

Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 348, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Sầm Văn C. Xử phạt bị cáo Sầm Văn C 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/4/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3, Khoản 4 Điều 348, Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 35, Điều 47, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân Th. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Th 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 25/3/2021.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, Điều 38, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Trương Văn T. Xử phạt bị cáo Trương Văn T 06 (Sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/4/2021.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, phạt bổ sung, áp dụng các biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 06/01/2021, bị cáo Nguyễn Xuân Th kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, đến ngày 09/01/2021 bị cáo có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, có xác nhận của Giám thị Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương vào ngày 10/01/2021.

Ngày 12/01/2022, bị cáo Phạm Thị H kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 11/1/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định kháng nghị số 02/2022 đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị H, Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Trương Văn T và Nguyễn Xuân Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị cáo Phạm Thị H giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Nguyễn Xuân Th xác định bị cáo đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo; gia đình bị cáo đã xuất trình tài liệu thể hiện đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án sơ thẩm (theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000326 ngày 07/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, do chị Nguyễn Thị P nộp thay bị cáo Nguyễn Xuân Th).

- Các bị cáo Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Trương Văn T (không kháng cáo và bị kháng nghị) đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Giữ nguyên quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương. Các bị cáo đưa nhiều người nhập cảnh trái phép, phạm tội nhiều lần, thu lợi bất chính. Các bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên mức án Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt là nhẹ, chưa đủ tác dụng răn đe, giáo dục. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt với cả 05 bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân Th, bị cáo Phạm Thị H và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương trong thời hạn, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 332, 333, 336, 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự; nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Bị cáo Nguyễn Xuân Th đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự để đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo còn bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương kháng nghị tăng hình phạt nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử bị cáo cùng các đồng phạm có kháng cáo và bị kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ căn cứ kết luận: Từ ngày 20/2/2021 đến ngày 24/3/2021, Phạm Thị H, Sầm Văn Đ, Sầm Văn C và Trương Văn T đã tổ chức 8 chuyến đón, đưa 27 người từ Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trái phép từ cột mốc 718 thuộc thôn KS, xã TC, huyện HQ, tỉnh Cao Bằng đến đèo Bông Lau thuộc huyện Trảng Đ, tỉnh Lạng Sơn rồi đưa đi thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó Hà đã trực tiếp thu 246.000.000 đồng của các đối tượng nhập cảnh trái phép và chi phí để tổ chức cho họ đi vào thành phố Hồ Chí Minh. Sầm Văn Đ trực tiếp thu 67.500.000 (tương đương 236.000.000 đồng). Các bị cáo được hưởng lợi bất chính như sau:

- Phạm Thị H 08 lần đưa 27 người, hưởng lợi: 95.000.000 đồng;
- Sầm Văn Đ 08 lần đưa 27 người, hưởng lợi: 164.000.000 đồng;
- Sầm Văn C 08 lần đưa 27 người, hưởng lợi 36.000.000 đồng;
- Trương Văn T 08 lần đưa 27 người, hưởng lợi 36.000.000 đồng;
- Nguyễn Xuân Th 06 lần đưa 21 người, hưởng lợi: 93.000.000 đồng.

Hành vi cụ thể của từng bị cáo như đã được nêu tại phần “Nội dung vụ án”. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án các bị cáo: Phạm Thị H, Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Trương Văn T, Nguyễn Xuân Th về tội Tổ chức cho người khác

nhập cảnh Việt Nam trái phép theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự có hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định vai trò của các bị cáo trong vụ án này: Phạm Thị H và Sầm Văn Đ thực hiện hành vi với vai trò chính trong vụ án, sau đó đến vai trò đồng phạm giúp sức tích cực của Sầm Văn C, Trương Văn T, Nguyễn Xuân Th là phù hợp với hành vi của các bị cáo và phân hóa vai trò của các đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Thị H về việc giảm nhẹ hình phạt: Bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án. Nhân thân không có tiền án, tiền sự; có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Chưa nộp lại số tiền thu lợi bất chính. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[4] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo Phạm Thị H, Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Trương Văn T và Nguyễn Xuân Th:

[4.1] Trong vụ án này, các bị cáo không có tiền án tiền sự; cùng được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự do thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đ, C, T đều là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình thuộc hộ nghèo. Bị cáo C và T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ đầu thú. Bị cáo Th đã tác động vợ nộp 10.000.000 triệu đồng để khắc phục một phần số tiền hưởng lợi bất chính. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo Th, Đ, C, T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chính xác.

[4.2] Tội phạm các bị cáo Phạm Thị H, Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Trương Văn T và Nguyễn Xuân Th thực hiện được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự có hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm. Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định xử phạt bị cáo Phạm Thị H 08 năm tù; Sầm Văn Đ 07 năm 6 tháng tù, Sầm Văn C 07 năm tù, Nguyễn Xuân Th 07 năm tù, Trương Văn T 06 năm tù đều là mức án thấp của khung hình phạt. Tuy nhiên, các bị cáo đều là người lao động nhất thời phạm tội do kém hiểu biết pháp luật, các bị cáo Sầm Văn Đ, Sầm Văn C, Trương Văn T là người dân tộc thiểu số, sống tại vùng đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; bị cáo Nguyễn Xuân Th đã tác động gia đình nộp lại một phần tiền thu lợi bất chính trước khi xét xử sơ thẩm và trước khi xét xử phúc thẩm đã nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt và án phí theo quyết định của bản án

sơ thẩm là thể hiện đã có ý thức chấp hành pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Sầm Văn C, Nguyễn Xuân Th, Sầm Văn Đ, Phạm Thị H (từ 7 năm đến 8 năm tù) cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo, đủ thời gian để họ suy nghĩ về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tăng hình phạt đối với 04 bị cáo: Sầm Văn C, Nguyễn Xuân Th, Sầm Văn Đ, Phạm Thị H, tạo điều kiện cho các bị cáo sớm trở về chăm sóc cho gia đình, trở thành công dân tốt trong tương lai.

[4.2.2] Đối với bị cáo Trương Văn T: Bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 06 năm tù, dưới mức thấp nhất của hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự là không đúng. Vì vậy, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Trương Văn T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Ghi nhận bị cáo Nguyễn Xuân Th đã thi hành xong số tiền: 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền phạt bổ sung, 83.000.000đ (tám mươi ba triệu) đồng truy thu tiền thu lời bất chính và 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000326 ngày 07/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Nguyễn Thị Phương nộp thay bị cáo Nguyễn Xuân Th).

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Phạm Thị H phải chịu án phí. Các bị cáo còn lại không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 342, khoản 1 Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân Th.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Thị H về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt.

- Không chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tăng hình phạt đối với 04 bị cáo: Sầm Văn C, Nguyễn Xuân Th, Sầm Văn Đ, Phạm Thị H.

Giữ nguyên quyết định về hình sự tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo Sầm Văn C, Nguyễn Xuân Th, Sầm Văn Đ, Phạm Thị H như sau:

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 348; Điều 38; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 35; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Phạm Thị H. Xử phạt bị cáo Phạm Thị H **08** (tám) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 25/3/2021. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị H 15.000.000đ (mười năm triệu đồng) sung ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 348; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Sầm Văn Đ. Xử phạt bị cáo Sầm Văn Đ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 26/3/2021.

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 348; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Sầm Văn C. Xử phạt bị cáo Sầm Văn C 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/4/2021.

Áp dụng điểm a, khoản 3, Điều 348; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Xuân Th. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Th 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 25/3/2021.

3. Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm a, khoản 2, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương về việc tăng hình phạt đối với bị cáo Trương Văn T. Sửa quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 69/2021/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đối với bị cáo Trương Văn T như sau:

Căn cứ điểm a, khoản 3, Điều 348; Điều 38; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đối với bị cáo Trương Văn T. Xử phạt bị cáo Trương Văn T 07 (bảy) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 07/4/2021.

4. Ghi nhận bị cáo Nguyễn Xuân Th đã thi hành xong số tiền: 10.000.000đ (mười triệu đồng) tiền phạt bổ sung, 83.000.000đ (tám mươi ba triệu) đồng truy thu tiền thu lợi bất chính và 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0000326 ngày 07/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do chị Nguyễn Thị Phương nộp thay bị cáo Nguyễn Xuân Th).

5. Bị cáo Phạm Thị H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hải Dương;
- Cục THA dân sự tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam)
- Lưu VT; HCTP; HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh